|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**  **CÁC MÔN LỚP 9**  **Năm học: 2020 – 2021** | | **MÔN: TOÁN**  **I/ ĐẠI SỐ**  **A. LÝ THUYẾT**  \***CHƯƠNG III:**  1/ Định nghĩa hệ phương trình tương đương?  2/ Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình?  3/ Phát biểu qui tắc thế, cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế?  4/ Phát biểu qui tắc cộng đại số, cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số?  5/ Cho hệ phương trình  khi nào hệ phương trình trên vô nghiệm, có một nghiệm, vô số nghiệm?  **\* CHƯƠNG IV :**  1/ Phát biểu tính chất của hàm số y = ax2 ?  2/ Đồ thị hàm số y = ax2 và cách vẽ?  3/ Phát biểu định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn. Cho ví dụ.  4/ Viết công thức nghiệm và công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai một ẩn?  5/ Khi nào thì đồ thị của hàm số y = ax2 và y = ax + b cắt nhau? Tiếp xúc nhau? Không giao nhau?  6/ Phát biểu hệ thức Vi-ét?  7/ Phát biểu định nghĩa phương trình trùng phương. Cho ví dụ.  **B. CÁC DẠNG BÀI TẬP**  1/ Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn  2/ Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình  3/ Tìm điều kiện của tham số để hệ phương trình bậc nhất hai ẩn có một nghiệm, vô số nghiệm, vô nghiệm  4/ Giải phương trình bậc hai một ẩn, phương trình trùng phương, phương trình quy về phương trình bậc hai (phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích)  5/ Vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, bậc hai  6/ Tìm giao điểm của hai đồ thị hàm số bằng phương pháp đại số.  7/ Giải bài toán bằng cách lập phương trình  8/ Vận dụng hệ thức viet tính tổng và tích hai nghiệm của phương trình bậc hai; tìm hai số khi biết tổng và tích của chúng.  **II/ HÌNH HỌC**  **A. LÝ THUYẾT**  1/ Các định nghĩa, định lí về góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung, góc có đỉnh bên trong, bên ngoài đường tròn.  2/ Các công thức tính độ dài đường tròn, cung tròn; diện tích hình tròn, hình quạt tròn; diện tích xung quanh hình chóp, mặt cầu; thể tích hình chóp, hình chóp cụt, hình cầu.  3/ Chứng minh định lí: Với hai cung nhỏ trong một đường tròn hay trong hai đường tròn bằng nhau thì:  - Hai cung bằng nhau căng hai dây bằng nhau ( và ngược lại)  - Cung lớn hơn căng dây lớn hơn. ( và ngược lại)  4/ Định nghĩa, định lí về tứ giác nội tiếp. Áp dụng tính số đo các góc của tứ giác nội tiếp.  5/ Định nghĩa đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp đa giác.  **B. CÁC DẠNG BÀI TẬP**  - Tính độ dài của đường tròn, cung tròn; diện tích hình tròn, hình quạt tròn; diện tích xung quanh hình chóp, mặt cầu; thể tích hình chóp, hình chóp cụt, hình cầu.  - Chứng minh tứ giác nội tiếp đường tròn.  **III. BÀI TẬP TỰ LUẬN**  **Bài 1. Giải các hệ phương trình**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a. | b. | c. | | d. | e. | f. | | g. | h. | i. |   **Bài 2**: Xác định các hệ số a ,b biết hệ phương trình :  có nghiệm là ( 1 ; -3)  **Bài 3**: Xác định các hệ số a ,b để đt y = a x + b đi qua hai điểm A(-5; 3) và B (4; 2)  **Bài 4**: Giải các phương trình sau  a/ 3x2 - 5x = 0 b/ 2x2 – 3x –2 = 0  c/ -2x2 + 8 = 0 d/ x4 - 4x2 - 5 = 0  e/ x4- 8 x2- 48 = 0 f/ 2x4 - 5x2 + 2 = 0  g/ x2 + x –2 = 0 h/ 3x4 - 12x2 + 9 = 0  i/ 16x2 +8x + 1= 0 j/  **Bài 5**: Không giải phương trình dùng hệ thức Viet hãy tính tổng và tích các nghiệm của mỗi pt sau:  a/ mx2 – 2(m+1) x + m + 2 = 0 ( m  0)  b/ 4x2 + 2x – 5 = 0  c/ (2 - ) x2 + 4x + 2 +  = 0  d/ x2 – (1+ ) x +  = 0  **Bài 6**: Tìm hai số u và v trong mỗi trường hợp sau:  a) u + v = 42; u.v = 441  b0 u + v = - 42; u.v = - 400  **Bài 7**: Giải phương trình :( x- 2x + 3 ) ( 2x - x+6 ) =18  **Bài 8**: a/ Vẽ parabol (P): y =  và đường thẳng (d) : y = trên cùng mp toạ độ  b/ Xác định toạ đô giao điểm của (P) và (d) bằng phép toán  **Bài 9**: a/ vẽ đồ thị của hàm số ( P) y = x2 và (d) y = - x +2 trên cùng một hệ trục toạ độ.  b/ Xác định toạ độ giao điểm của (P) và (d).  **Bài 10**: Cho hai hàm số y = x2 và y = – 2x + 3.  a) Vẽ các đồ thị của hai hàm số này trên cùng một hệ trục tọa độ.  b) Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị đó.  **Bài 11**: Cho phương trình : x2 + 2(m - 1)x – m = 0   1. Chứng tỏ phương trình trên có hai nghiệm phân biệt với mọi m 2. Tính A = x21 + x22 - 6x1x2 theo m   **Bài 12**: a)Xác định hệ số a của hàm số y = ax2, biết rằng đồ thị hàm số đi qua điểm A(2;-1)  b) Vẽ đồ thị của hàm số đó  **Bài 13**: a) Vẽ đồ thị của hàm số y =  ( P)  b) Cho đường thẳng (d) có pt: y = x + m. Tìm m trong các trường hợp sau:   * + (d) cắt ( P) tại hai điểm phân biệt   + ( d) tiếp xúc với ( P)   + (d) không tiếp xúc với (P)   **Bài 14**: Cho phương trình x2 - mx + m –1 = 0 ( 1)   1. Giải phương trình khi m = 4 2. Tìm m để phương trình(1) có hai nghiệm phân biệt, có nghiệm kép, vô nghiệm. 3. Cho biết x1, x2 là hai nghiệm của pt (1). tính x1 + x2 ; x1 . x2 ; x12 + x22 ; x14+ x24   **Bài 15:** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài lớn hơn chiều rộng 6 m và diện tích bằng 112 m2. Tính chiều dài và chiều rộng của mảnh đất đó.  **Bài 16**: Một mành đất hình chữ nhật có diện tích là 192 m2. Nếu tăng chiều rộng thêm 4m và giảm chiều dài đi 8m thì diện tích của mảnh đất không thay đổi. Tính chiều dài và chiều rộng của mảnh đất đó.  **Bài 17**: Một tam giác vuông có cạnh huyền là 10 m và hai cạnh góc vuông hơn kém nhau 2m. tính các cạnh góc vuông của tam giác đó.  **Bài 18**: Một xe khách và một xe du lịch khởi hành cùng một lúc từ thành phố Hồ Chí minh đi Tiền Giang. Xe du lịch có vận tốc lớn hơn xe khách 20km/h, do đó xe du lịch đến nơi truớc xe khách 25 phút. Tính vận tốc của mỗi xe, biết khoảng cách giữa thành phố Hồ Chí minh và Tiền Giang là 100 km.  **Bài 19**:Tính kích thuớc của một hình chữ nhật biết chiều dài hơn chiều rộng 3 m và diện tích bằng 180 m.  **Bài 20**: khoảng cách giữa 2 bến sông A và B là 30km. Một ca nô đi từ A đến B, nghỉ 40 phút ở B, rồi lại trở về A. thời gian kể từ lúc đi đến lúc trở về A là 6giờ. Tính vận tốc của ca nô khi nước yên lặng, biết vận tốc dòng nước là 3km/h  **BÀI TẬP HÌNH HỌC**  **Bài 1:** Cho  có ba góc nhọn nội tiếp đường tròn tâm O bán kính R. Các phân giác của các góc  ,  lần lượt cắt đường tròn tại E, F.  a) CMR: OF  AB và OE  AC.  b) Gọi M là giao điểm của của OF và AB; N là giao điểm của OE và AC. CMR: Tứ giác AMON nội tiếp và tính diện tích hình tròn ngoại tiếp tứ giác này.  c) Gọi I là giao điểm của BE và CF; D là điểm đối xứng của I qua BC. CMR: ID  MN.  **Bài 2:** Cho hình vuông ABCD có cạnh bằng a. Gọi M là điểm trên cạnh BC và N là điểm trên cạnh CD sao cho BM = CN. Các đoạn thằng AM và BN cắt nhau tại H.   1. CMR: Các tứ giác AHND và MHNC là những tứ giác nội tiếp. 2. Khi BM = . Tính diện tích hình tròn ngoại tiếp tứ giác AHND theo a.   **Bài 3:** Cho  có ba góc nhọn nội tiếp đường tròn tâm O. Các đường cao AD và BK cắt nhau tại H và lần lượt cắt (O) tại M và N.   * 1. CMR: Tứ giác CDHK nội tiếp.   2. CMR: CM = CN   3. CM:  đồng dạng   **Bài 4:** Cho tam giác ABC cân tại A có cạnh đáy nhỏ hơn cạnh bên nội tiếp đtròn (O). Tiếp tuyến tại B và C của đtròn lần lượt cắt tia AC và tia AB ở D và E. CMR:  a) BD2 = AD.CD  b) Tứ giác BCDE nt  c) BC // DE  **Bài 5:** Cho  có ba góc nhọn nội tiếp đường tròn tâm O. Hai đường cao AH và BK cắt nhau tại E.  a) Chứng minh: tứ giác AKHB nội tiếp  b) Chứng minh: tứ giác KEHC nội tiếp. Xác định tâm của đường tròn ngoại tiếp tứ giác đó.  c) Kéo dài AH cắt đường tròn (O) tại M. Chứng minh BC là đường trung trực của EM.  **Bài 6:** Cho  vuông ở A với . Trên AC lấy điểm M, vẽ đường tròn tâm O đường kính CM. Tia BM cắt đường tròn (O) tại điểm thứ hai D. Đường thẳng qua A và D cắt đường tròn tại S. Chứng minh rằng:  a) Tứ giácABCD nội tiếp.  b) CA là tia phân giác của góc SCB  c) Tìm quỹ tích điểm D khi M di chuyển trên cạnh AC.  **Bài 7:** Cho tam giác ABC vuông tại A, điểm M nằm trên AC, đường tròn đường kính CM cắt BC tại E, BM cắt đường tròn tại D  a) CMR: tứ giác BADC nội tiếp  b) DB là phân giác của góc EDA  c) CMR 3 đường thẳng BA, EM, CD đồng quy  **Bài 8:** Cho đường tròn tâm O, đường kính AB, S là một điểm nằm bên ngoài đường tròn  ( S không nằm trên: đường thẳng AB; tiếp tuyến tại A; tiếp tuyến tại B). Cát tuyến SA và SB lần lượt cắt đường tròn tại hai điểm M, E. Gọi D là giao điểm của BM và AE.  a) Chứng minh: 4 điểm S, M, D, E cùng nằm trên một đưòng tròn.  b) Chứng minh:  đồng dạng .  c) Chứng minh: SD  AB  **Bài 9:** Cho nửa đường tròn tâm O đường kính AB = 2R. Từ A và B lần lượt kẻ hai tiếp tuyến Ax và By với nửa đường tròn (các tiếp tuyến Ax, By và nửa đường tròn cùng nằm trên nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng AB) . Qua điểm M thuộc nửa đường tròn (M khác A và B) kẻ tiếp tuyến thứ ba cắt các tiếp tuyến Ax và By lần lượt tại C và D.  1. CMR:  a) Tứ giác AOMC nội tiếp.  b) CD = CA + DB và  = 900.  c) AC. BD = R2.  2. Khi  = 600. Chứng tỏ  là tam giác đều và tính diện tích của hình quạt tròn chắn cung MB của nửa đường tròn đã cho theo R.  **Bài 10**: Cho hình vuông ABCD. Gọi M, N là 2 điểm lần lượt trên 2 cạnh BC và CD sao cho . AM và AN cắt đường chéo BD tại P và Q. Gọi H là giao điểm của MQ và NP. CMR:  a) Tứ giác ABMQ nội tiếp.  b) Tam giác AQM vuông cân  c) AH vuông góc với MN.  **BÀI TẬP BỔ SUNG**  **Bài 11**: Cho đường tròn (O; R)và một điểm A nằm bên ngoài đường tròn với OA = 3R. qua A vẽ hai tíêp tuyến AB, AC đế đường tròn ( O) ( B, C là hai tiếp điểm)   1. Chứng minh tứ giác ABOC nội tiếp 2. Kẻ đường kính CD của (O). chứng minh BD // OA 3. Kẻ dây BN của (O) song song với AC,AN cắt (O) ở M. chứng minh MC2= MA. MB 4. Gọi F là giao điểm của BN với CD. Tính theo R diện tích của tam giác BCF   **Bài 12**: Từ một điểm T nằm bên ngoài đường tròn (O; R), kẻ hai tiếp tuyến TA, TB với đường tròn đó. Biết góc AOB = 1200 và dây BC = 2R   1. Chứng minh OT // AC 2. Biết tia OT cắt đường tròn ( O, R) tại D. chứng minh tứ giác AOBD là hình thoi   **Bài 13**: Cho tam giác ABC vuông tại A, biết AB = 6cm, AC = 8cm. Vẽ đường cao AH, đường tròn tâm O đường kính AH cắt AB tại E và cắt AC tại điểm F.   1. Chứng minh tứ giác AEHF là hình chữ nhật 2. Chứng minh tứ giác BEFC nội tiếp 3. Gọi I là trung điểm của BC. Chứng minh AI vuông góc với EF 4. Gọi K là tâm của đường tròn ngoại tiếp tứ giác BEFC. Tính diện tích hình tròn tâm K.   **Bài 14**: Cho tam giác ABC nhọn, đường tròn (O) đường kính BC cắt AB, AC lần lượt tại E và D, CE cắt BD tại H   1. Chứng minh tứ giác ADHE nội tiếp 2. AH cắt BC tại F. chứng minh FA là tia phân giác của góc DFE 3. EF cắt đường tròn tại K ( K khác E). chứng minh DK// AF 4. Cho biết góc BCD = 450 , BC = 4 cm. Tính diện tích tam giác ABC   **Bài 15**: cho đường tròn ( O) và điểm A ở ngoài (O)sao cho OA = 3R. vẽ các tiếp tuyến AB, AC với đường tròn (O) ( B và C là hai tiếp tuyến )   1. Chứng minh tứ giác OBAC nội tiếp 2. Qua B kẻ đường thẳng song song với AC cắt ( O) tại D ( khác B). đường thẳng AD cắt ( O) tại E. chứng minh AB2= AE. AD 3. Chứng minh tia đối của tia EC là tia phân giác của góc BEA 4. Tính diện tích tam giác BDC theo R   **Bài 15**: Cho tam giác Abc có ba góc nhọn, AB >AC, nội tiếp đường tròn tâm (O,R), hai đường cao AH, CF cắt nhau tại H  a) Chứng minh tứ giác BDHF nội tiếp? Xác định tâm của đường tròn ngoại tiếp tứ giác đó  b) Tia BH cắt AC tại E. chứng minh HE.HB= HF.HC  c) Vẽ đường kính AK của (O). chứng minh AK vuông góc với EF  d) Trường hợp góc KBC= 450, BC = R. tính diện tích tam giác AHK theo R  **Bài 16**: Cho tam giác ABC có ba góc nhọn nội tiếp đường tròn tâm O. Ba đương cao AE, BF, CK cắt nhau tại H. Tia AE, BF cắt đường tròn tâm O lần lượt tại I và J.   1. Chứng minh tứ giác AKHF nội tiếp đường tròn. 2. Chứng minh hai cung CI và CJ bằng nhau. 3. Chứng minh hai tam giác AFK và ABC đồng dạng với nhau   **Bài 17**: Cho tam giác ABC nhọn nội tiếp đường tròn ( O; R ),các đường cao BE, CF .   1. Chứng minh tứ giác BFEC nội tiếp. 2. Chứng minh OA vuông góc với EF.   **Bài 18**: Diện tích xung quanh của một hình trụ là 192 cm2 . biết chiều cao của hinh trụ là h= 24 cm   1. Tính bán kính đường tròn đáy 2. Tính thể tích hình trụ 3. So sánh thể tích hình nón có chiều cao bằng chiều cao hình trụ và có bán kính đáy gấp đôi bán kính đáy hình trụ | | | **MÔN: VẬT LÝ**  **I. LÝ THUYẾT**  **Câu 1.** Nêu cấu tạo và hoạt động của máy phát điện xoay chiều, máy biến thế.  **Câu 2.** Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là gì? So sánh giá trị của góc tới và góc phản xạ khi tia sáng được truyền từ không khí vào nước.  **Câu 3.** So sánh thấu kính hội tụ với thấu kính phân kì về các cách nhận biết thấu kính, đặc điểm và các trường hợp tạo ảnh của một vật qua thấu kính, các đường đi của tia sáng đặc biệt qua thấu kính.  **Câu 4.** Nêu cấu tạo của mắt? Trình bày về các tật của mắt và cách khắc phục?  **Câu 5.** Kính lúp là gì? Nêu công thức liên hệ giữa số bội giác và tiêu cự.  **II. BÀI TẬP**  **A. Trắc nghiệm:** Các bài trong SBT từ bài 33 đến bài 51.  **B. Tự luận**  **Bài 1.** Cho một thấu kính hội tụ có tiêu cự 20cm. Đặt một vật sáng AB trước thấu kính, cách thấu kính 10cm.   1. Vẽ ảnh A’B’ của AB. 2. Nêu tính chất của ảnh A’B’?   **Bài 2.** Cho một thấu kính phân kỳ có tiêu cự 40cm. Đặt một vật sáng AB trước thấu kính, cách thấu kính 60cm.   1. Vẽ ảnh A’B’ của AB. 2. Nêu tính chất của ảnh A’B’?   **Bài 3.** Đặt một vật sáng AB trước một thấu kính thì tại mọi vị trí đặt vật luôn thu được ảnh ảo.   1. Thấu kính trên thuộc loại nào? 2. Di chuyển AB đến vị trí sao cho khoảng cách từ vật đến thấu kính bằng 12 cm. Vẽ ảnh A’B’ của AB và nêu tính chất của ảnh. 3. Biết tiêu cự của thấu kính là 20cm, tính chiều cao của ảnh nếu vật cao 15mm.   **Bài 4.** Tính độ bội giác của kính lúp có tiêu cự là 12,5cm.  **Bài 5.** Cuộn sơ cấp của một máy biến thế có 4 400 vòng, cuộn thứ cấp có 240 vòng. Khi đặt vào hai đầu cuộn sơ cấp một hiệu điện thế xoay chiều 220 V thì ở hai đầu dây của cuộn thứ cấp có hiệu điện thế là bao nhiêu? | | | **MÔN: HÓA HỌC**  **I. Lí thuyết**  1- Nêu tính chất hóa học của 4 loại hợp chất vô cơ đã học. Viết PTPƯ minh họa.  2- Nêu tính chất hóa học của kim loại và phi kim.Viết PTHH  3- Viết PTPƯ cụ thể biểu diễn mối quan hệ trong sơ đồ SGK trang 167  4- a. Trình bày công thức phân tử, công thức cấu tạo, tính chất hóa học và ứng dụng của các chất : metan, etylen, rượu etylic, axit axetic.  b. Trình bày cách điều chế: rượu etylic, axit axetic.  Viết các PTHH minh họa.  **II. Bài tập:**  **BT1 : Dạng bài tập nhận biết**.  Nêu phương pháp hóa học để phân biệt các chất sau.  a. Ba chất khí: CH4, C2H4, CO2  b. Ba chất lỏng: C2H5OH, CH3COOH, CH3COOC2H5  **BT2. Dạng bài viết PTPƯ thực hiện chuyển hóa**  Cl2 AlCl3 Al(OH)3 Al2O3 Al Al2 (SO4)3  **BT3.Hoàn thành các PTHH sau**  1. ………...+ ……… CH3COOK + H2  2. C2H5OH + …………. C2H5ONa +…………..  3. C2H5OH + …………….. CH3COOH + ………….  4. CH3COOH + K2CO3 …………..+ CO2 + ………..  5. NaHCO3 Na2CO3 + ………+ ………….  6. Cl2 + NaOH ………… + ……… + …….  7. CH3COOH + Zn ………….. + ………..  **BT4. Tính theo PTHH**:  **4.1:** Cho một dung dịch chứa 0,6 mol hỗn hợp hai chất: Rượu etylic và axit axetic tác dụng hết với kim loại kẽm. Sau phản ứng thu được 4,48 lít khí ở ĐKTC  a. Viết PTHH  b. Tính khối lượng mỗi chất có trong hỗn hợp ban đầu.  **4.2:** Cho dd chứa 12 gam axit axetic tác dụng với đá vôi dư.   1. Viết PTHH. 2. Tính thể tích khí CO2 (đktc) thu được sau phản ứng. 3. Tính khối lượng đá vôi đã tham gia phản ứng.   **BT5. Xác định công thức phân tử của chất**: Đốt cháy 4,5 gam chất hữu cơ A thu được 6,6 gam khí CO2 và 2,7 gam H2O.Biết khối lượng Mol của A là 60 gam. Hãy xác định công thức phân tử và viết các công thức cấu tạo có thể có của A.  **BT6. Hãy giải thích vì sao:**  a. Đốt cồn, đốt xăng thì cháy hết còn đốt gỗ, than lại còn tro ?  b. Cồn (rượu etylic) diệt được vi khuẩn?  c. Uống rượu nhiều có hại cho sức khỏe? | | | **MÔN: SINH HỌC**  **Phần I. Trắc nghiệm:**  Ôn tập bài 35,36,37,38,41,42,43 44,45,46,47,48,49,50.  **Phần II. Tự luận:**  Câu 1: Môi trường sống của sinh vật là gì? Có mấy loại môi trường chính kể tên?Lấy VD.  Câu 2: Trong hai nhóm sinh vật hằng nhiệt và sinh vật biến nhiệt, sinh vật thuộc nhóm nào có khả năng chịu đựng cao với sự thay đổi nhiệt độ của môi trường ? Tại sao?  Câu 3: a,Thế nào là quần thể sinh vật? Cho ví dụ.  b, Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác?  Câu 4: Thế nào là hệ sinh thái. Một hệ sinh thái hoàn chỉnh có những thành phần chủ yếu nào?  Câu 5: Cho các sinh vật sau: thực vật, ếch, rắn, sâu, châu chấu, gà, dê, đại bàng, hổ, cáo, thỏ, sinh vật phân giải. Hãy viết lưới thức ăn có thể có từ các sinh vật trên. | | | **MÔN: NGỮ VĂN**   1. **Kiến thức trọng tâm**   **Phần I: Văn học:**  ***\* Yêu cầu về kiến thức:***  1. Văn bản nghị luận  - Bàn về đọc sách  - Tiếng nói văn nghệ  2. Thơ hiện đại  - Mùa xuân nho nhỏ  - Viếng lăng Bác  - Nói với con  - Sang thu.  3. Truyện hiện đại:  - Những ngôi sao xa xôi.  - Làng.  - Chiếc lược ngà  ***\* yêu cầu về kỹ năng:***  + Nắm được tác giả, tác phẩm, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục- mạch cảm xúc , phương thức biểu đạt, ý nghĩa nhan đề, thuộc thơ.  +Nắm được nội dung, nghệ thuật, biết khai thác tín hiệu nghệ thuật trong tác phẩm văn học để làm nổi bật nội dung, ý nghĩa.  + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.  **Phần II: Tiếng Việt**  ***\* Yêu cầu về kiến thức:***  - Thành phần phụ của câu: Khởi ngữ  - Thành phần biệt lập của câu: TP tình thái, TP gọi đáp, TP cảm thán  - Một số phép tu từ.  - Nghĩa tường minh, nghĩa hàm ý.  - Từ loại, cụm từ.  ***\* yêu cầu về kỹ năng:***  - Nhận diện được đơn vị kiến thức Tiếng Việt cơ bản trong văn bản.  - Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức trong văn bản.  - Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết.  **Phần III: Tập làm văn**  ***\* yêu cầu về kiến thức:***  1***.***Văn nghị luận xã hội : NL về hiện tượng đời sống, NL về tư tưởng xã hội.  2.Văn nghị luận về văn học : nghị luận truyện, NL thơ.  ***\* yêu cầu về kỹ năng:***  -Nắm được đặc điểm chung của văn nghị luận  -Biết cách làm bài văn ( đoạn văn ) nghị luận  **Bài tập tham khảo**  1. Hãy nêu hệ thống luận điểm luận cứ của văn bản “ Bàn về đọc sách” của Chu Quang Tiềm.  2. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  *“…Đọc ít mà đọc kĩ, thì sẽ tập thành nếp nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm thay đổi khí chất; đọc nhiều mà không suy sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm cho mắt hoa ý loạn, tay không mà về. Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình, dối người, đối với việc làm người thì đó thể hiện phẩm chất tầm thường thấp kém”*  ( Bàn về đọc sách- Chu Quang Tiềm)  a. Cho biết phương thức biểu đạt của đoạn ngữ liệu trên.  b. Nêu nội dung của đoạn ngữ liệu trên.  c. Trong đoạn ngữ liệu trên, tác giả đã sử dụng biện pháp NT so sánh, hãy chỉ rõ và phân tích tác dụng.  d.Trình bày suy nghĩ của em về văn hóa đọc hiện nay của giới trẻ hiện nay.    Gợi ý:  a. Phương thức biểu đạt: Nghị luận  b. Nội dung của đoạn ngữ liệu: Chỉ ra tác hại của việc đọc sách không đúng.  c. Phép tu từ so sánh: caau1,2- tác dụng: Tác hại của việc đọc sách không đúng.  d. Suy nghĩ về văn hóa đọc hiện nay:  Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:   * Dẫn dắt vào luận đề * Giải thích về văn hóa đọc:  đó là ứng xử chuẩn mực về việc đọc của mỗi cá nhân, hay của cộng đồng. * Thực trạng của văn hóa đọc giới trẻ hiện nay:   + Có bạn trẻ có văn hóa đọc: Biết lựa chọn sách có giá trị, biết cách đọc: đọc và ghi chép những nội dung quan trọng; đọc suy ngẫm- miệng đọc tâm ghi…  + Có những bạn trẻ chưa có văn hóa đọc: Chưa biết cách chọn sách: đọc những cuối sách vô bổ, sách đen, mê tính, ngôn tình…Chưa biết cách đọc: đọc lướt, đọc theo phong trào…Có bạn trẻ thì không mặn mà với sách.  -> Việc đọc trở nên chưa thật sự có ích.  - Nguyên nhân: Chưa nhận thức đúng, bùng nổ công nghệ thông tin với nhiều trò chơi hấp dẫn, nội dung sách không hấp dẫn…  - Tác hại: Hiểu biết hạn hẹp, thiếu đi sự tư duy, tâm hồn cằn cỗi…  - Giải pháp: Gia đình, bản thân cần rèn luyện thói quen đọc sách và ý thức được vai trò của sách; trường học tổ chức ngày giới thiệu cuốn sách hay…  - Liên hệ bản thân:….   1. Chép chính xác bài thơ “ “ Mùa xuân nho nhỏ”.   a. Nêu hoàn cảnh ra đời bài thơ, qua hoàn cảnh ra đời bài thơ cho em hiểu gì về tác giả.  b. Nêu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.  c. Kể tên 1 tác phẩm cũng viết về cảm xúc của tác giả về mùa xuân trong chương trình Ngữ văn THCS nêu rõ tên tác giả.  d.Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được làm theo thể thơ nào? Hãy kể tên một tác phẩm cũng viết bằng thể thơ đó, nêu rõ tên tác giả.  Gợi ý:  b. Nhan đề:  - Mùa xuân nho nhỏ được cấu tạo là cụm danh từ  - Nghĩa đen: gợi về mùa đầu của một năm- mùa cây cối đâm chồi nảy lộc.  - Nghĩa bóng: Tâm nguyện sống cống hiến cho cuộc đời những gì đẹp đẽ nhất và sự cống hiến đó là khiêm nhường- mỗi người hãy là mùa xuân nhỏ bé để góp phần làm nên mùa xuân to lớn của đất nước.  - Nhan để làm nổi bật lên chủ đề của bài thơ.  c. Kể tên tác phẩm cũng viết về mùa xuân trong chương trình: “ Mùa xuân của tôi”- Tác giả: Vũ Bằng.  d. Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” viết theo thể thơ: năm chữ  Tác phẩm cũng viết theo thể thơ đó: “ Ánh trăng”- Nguyễn Duy, “ Sang thu”- Hữu Thỉnh.  4. a. Trong khổ thư thứ nhất của bài “ Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải, tác giả đã sử dụng những giác quan nào để cảm nhận xuân về ? Chỉ ra những hình ảnh thơ thể hiện điều đó.  b. Chỉ ra thành phần biệt lập và phép tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất của bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ”, phân tích tác dụng.  c. Bằng đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết diễn dịch hãy phân tích khổ 1 của bài thơ, trong đoạn văn có sử dụng khởi ngữ, thành phần cảm thán ( gạch chân, chú thích).  Gợi ý:  a. Tác giả đã cảm nhận xuân về bằng những giác quan: thị giác: sông xanh, hoa tím, giọt long lanh ; thính giác: con chim- hót; xúc giác: đưa tay- hứng.  b. Thành phần biệt lập gọi đáp: ơi – Tác dụng: tiếng gọi yêu thương trìu mến, cảm giác say sưa của tác giả khi đất trời vào xuân.  c. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau: Khai thác tín hiệu NT: đảo trật tự cú pháp, nhân hóa, ẩn dụ để làm nổi bật lên ND:  + Cảm xúc của tác giả khi nhận ra mùa xuân về: từ hình ảnh dòng sông xanh, hoa tím, âm thanh tiếng chim.  + Tâm trạng say sưa, ngây ngất của tác giả khi đất trời vào xuân.  5. Chép chính xác khổ thơ thứ 2-3 của bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ”  a.Ở khổ thơ thứ 2 của bài “ Mùa xuân nho nhỏ” có từ lộc. em hiểu thế nào về nghĩa của từ đó, giải nghĩa từ “lộc”.  b. Nói ra hai đối tượng “ người cầm súng”, “ người ra đồng” là tác giả muốn nhắc tới lực lượng nào? Với cách nói như vậy là tác giả đã sử dụng phép tu từ nào?  c.Nghĩa tường minh và hàm ý trong câu” “ Mùa xuân người cầm súng/ Lộc giắt đầy trên lưng/ Mùa xuân người ra đồng/ Lộc trải dài nương mạ”  d. Bằng đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết quy nạp, em hãy phân tích 2 khổ thơ trên, trong đoạn văn có sử dụng thành phần phụ chú, phép thế ( gạch chân chú thích) khổ thơ thứ hai .  Gợi ý:   1. Lộc:   - Nghĩa đen ( nghĩa gốc): chồi non, lộc biếc của cây.  - Nghĩa bóng ( nghĩa chuyển- chuyển theo phương thức ẩn dụ): Sức sống mãnh liệt của dân tộc.  b. Người cầm súng: lực lượng bảo vệ tổ quốc.  Người ra đồng: lực lượng xây dựng đất nước.  → Phép tu từ hoán dụ.  c.\* Nghĩa tường minh:  “Mùa xuân người cầm súng/ Lộc giắt đầy trên lưng”: Người cầm súng, họ mang trên mình vòng lá ngụy trang đang nảy những chồi non lộc biếc.  “ Mùa xuân người ra đồng/ Lộc trải dài nương mạ”: Trên cánh đồng của người nông dân, chồi non của cây đua nhau trỗi dậy.  \* Nghĩa hàm ý: Người cầm súng, người ra đồng: lực lượng bảo vệ và xây dựng đất nước họ là người đã đem đến sức sống trường tồn cho dân tộc.  6.Chỉ ra phép tu từ trong khổ thơ “ Đất nước….đi lên phía trước”, nêu tác dụng của phép tu từ đó.  Gợi ý: Điệp ngữ, nhân hóa, hoán dụ, so sánh.  Tác dụng: Khẳng định sức sống trường tồn của dân tộc. Thể hiện niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp đó.   1. Hãy giải thích cách chuyển đổi của đại từ nhân xưng khổ 1 “ tôi’’, khổ 4 ‘ ta”.   Gợi ý:  Khổ thơ thứ 1: Sử dụng ĐT “ tôi”: Cảm xúc riêng của tác giả khi đất trời vào xuân  Khổ thơ thứ 4: Sử dụng ĐT “ta”: Tâm nguyện sống cống hiến không riêng của tác giả mà của bao người.  → Phù hợp với mạch cảm xúc của bài.  8.Chép chính xác khổ 2 của bài thơ “ Nói với con”  a.Nêu hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề.  b.Chỉ ra thành ngữ được sử dụng trong đoạn thơ mà em vừa chép, nêu tác dụng.  c.Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong câu thơ “ Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trên thung không chê thung nghèo đói”, phân tích tác dụng của phép tu từ đó.  d.Bằng đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết tổng phân hợp, hãy phân tích khổ thơ trên, trong đoạn văn có sử dụng, thành phần phụ chú, phép nối ( gạch chân- chú thích rõ).  Gợi ý:  b. Thành ngữ: “lên thác xuống ghềnh”  Tác dụng:  - Làm câu thơ hàm súc, tăng tính hình tượng.  - Gợi cuộc sống vất vả, gian nan của người miền núi.  c. Phép tu từ: Điệp ngữ: “sống”- “không chê”  Tác dụng: Tạo nhịp điệu cho câu thơ. Khẳng định tấm lòng thủy chung một lòng một dạ với quê hương của người miền núi.  d. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:  - Cần khai thác các tín hiệu NT: Điệp ngữ, so sánh, thành ngữ, lời thơ giản dị mộc mạc… để làm rõ ND:  + Phẩm chất của người đồng mình: ý chí, tấm lòng thủy chung với quê hương, tâm hồn mạnh mẽ phóng khoáng…  + Nhắc nhở con phải gìn giữ và phát huy vẻ đẹp phẩm chất của người đồng mình.   1. Chép chính xác khổ cuối bài thơ “ Sang thu”   a. Nêu hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề.  b. Hai câu cuối của khổ thơ có mấy tầng nghĩa, đó là tầng nghĩa nào? Nêu rõ từng tầng nghĩa.  c. Bằng đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết quy nạp hãy phân tích khổ thơ trên, trong đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái, phép lặp ( gạch chân chú thích rõ).  Gợi ý:  b. Nghĩa đen: Sang thu sấm thưa, mưa ngớt, hàng cây cổ thụ không ảnh hưởng bởi tiếng sấm nữa.  Nghĩa ẩn dụ: “sấm”: Những vang động bất thường của cuộc đời.  “hàng cây đứng tuổi”: những con người từng trải- những con người đã đi quá nửa đời người.  → Khi con người đã bước sang giai đoạn quá nửa đời người thì họ thường vững vàng hơn, bình tĩnh hơn trước những biến động bất thường của cuộc đời.  10. Cho đoạn văn sau:  *“ Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng trắng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “ những con quỷ mắt đen”.*  a. Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu ý nghĩa nhan đề của văn bản chứa đoạn trích trên?  b.“ Chúng tôi” được nói tới trong đoạn trích là những ai? Nụ cười và lời nói đùa gọi nhau của các nhân vật ấy thể hiện vẻ đẹp nào ở họ?  c.Từ câu văn “ Cười thì hàm răng trắng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc, em có thể liên tưởng đến câu thơ nào trong bài thơ “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật? Tác giả đã sử dụng phép tu từ nào trong cụm từ “ những con quỷ mắt đen”?  d.Qua đó, em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của những chiến sĩ trên tuyến đường Trường Sơn huyền thoại trong những năm kháng chiến chống Mĩ? Trình bày ý kiến của em bằng đoạn văn khoảng 15 câu theo phương pháp lập luận diễn dịch, trong đoạn văn có sử dụng thành phần cảm thán, câu ghép- gạch chân và chú thích rõ.  Gợi ý:  b. - “ Chúng tôi” được nói tới trong đoạn trích là: Nho, Thao, Phương Định- Những nữ *trinh sát mặt đường.*  - Nụ cười và lời nói đùa gọi nhau của các nhân vật ấy thể hiện vẻ đẹp của các nhân vật: Yêu thích công việc, lạc quan, hồn nhiên, yêu đời.  c. Từ câu văn *“ Cười thì hàm răng trắng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc”*, em có thể liên tưởng đến câu thơ trong bài thơ “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật:  *“ Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”.*  - Trong cụm từ *“ những con quỉ mắt đen*”, tác giả đã sử dụng phép tu từ ẩn dụ.  d.. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:  - Hình thức:  + Đúng đoạn văn NL, phương thức lập luận diễn dịch, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả.  + Dung lượng: 15 câu  + Đoạn văn sử dụng thành phần cảm thán, câu ghép  -Nội dung: cần có ý chính sau:  + Họ là những con người dũng cảm đương đầu với khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng.  + Đoàn kết, yêu thương, quan tâm, săn sóc cho nhau như những người thân trong gia đình.  + Tâm hồn mộng mơ, trong sáng, trẻ trung, yêu đời.  → Hình ảnh những chiến sĩ thanh niên xung phong đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp của những người chiến sĩ trên tuyến đường Trường Sơn huyền thoại.  12: Đọc đoạn trích và thực hiện những yêu cầu ở dưới:  *“ Vắng lặng đến phát sợ (1). Cây còn lại xơ xác(2). Đất nóng (3). Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa (4). Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không(5)? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt(6). Tôi đến gần quả bom (7). Cảm thấy có ánh mắt của các chiến sĩ đang dõi theo mình, tôi không sợ nữa(8). Tôi sẽ không đi khom (9). Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đường hoàng mà bước tới(10).*  *Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất(11). Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng(12)….*  *Tôi dùng xẻng nhỏ đào dưới quả bom (13). Đất rắn(14). Những hòm sỏi theo tay tôi bay ra hai bên(15). Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom(16). Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi(17). Tôi dùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm(19). Nhanh lên một tí(19)! Vỏ quả bom nóng(20). Một dấu hiệu chẳng lành(21). Hoặc là nóng từ bên trong quả bom(22).*  “ Những ngôi sao xa xôi”- Lê Minh Khuê)   1. Nhân vật “ tôi” trong đoạn trích đang chuẩn bị làm công việc gì?   b. Liệt kê câu trần thuật ngắn và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.  c.Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phép lập luận TPH phân tích nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật trong đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép, thành phần tình thái- gạch chân chú thích rõ.  Gợi ý:  a. Nhân vật “ tôi” trong đoạn trích đang chuẩn bị làm công việc phá bom.  b.Những câu văn trần thuật ngắn: câu 1,2,3,7, 9,11,12,13,14,15,16,19,20,21,22  - Tác dụng của trần thuât ngắn: Làm cho nhịp văn nhanh hơn, diễn tả không khí ngột ngạt, căng thẳng trên cao điểm sau một trận bom và cảm giác hồi hộp của Phương Định khi chuẩn bị phá bom.  c. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:  - Hình thức:  + Đúng đoạn văn NL, phương thức lập luận TPH, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả.  + Dung lượng: 15 câu  + Đoạn văn sử dụng thành phần tình thái, câu ghép  - Nội dung: cần có ý chính sau:  Khai thác NT sử dụng câu văn ngắn để diễn tả tâm lí của Phương Định trong khi phá bom.  + Mặc dù đã quen công việc nguy hiểm này, thậm chí một ngày có thể phá tới năm quả bom, nhưng mỗi lần phá bom vẫn là một lần thử thách với thần kinh.  + Từ khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng đến cảm giác “các anh cao xạ” ở trên kia đang dõi theo từng động tác, cử chỉ của mình, để rồi lòng dũng cảm của cô lại được kích thích bởi lòng tự trọng và sự yên tâm.  + Khi ở bên quả bom, kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của cô trở nên sắc nhọn hơn ( gai người, rùng mình…)  - Những cảm giác đó được miêu tả rất chân thực, chứng tỏ các cô gái thanh niên xung phong cũng là những con người “ bằng xương bằng thịt”. Điều đáng nói là ngay cả khi căng thẳng, nguy hiểm, nhưng họ vẫn bình tĩnh làm tốt công việc của mình, vẫn sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách để hoàn thành mọi nhiệm vụ của người chiến sĩ.  13. Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”, có đoạn:  *“Những cái xảy ra hàng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét***.** Ðất dưới chân chúng tôi rung. Mấy cái khăn mặt vắt ở dây cũng rung. Tất cả, cứ như lên cơn sốt. Khói lên, và cửa hang bị che lấp. Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.”  *(Trích Ngữ văn 9 – tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)*  a. Em hãy cho biết tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn này.  b. Truyện được trần thuật từ ngôi kể nào, người kể chuyện là ai? Việc lựa chọn ngôi kể và người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?  c. Chỉ ra phép liên kết trong hai câu văn được in đậm và các từ ngữ dùng để thực hiện phép liên kết đó.  d. Cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ, hi sinh càng giúp chúng ta hiểu rõ hơn tinh thần lạc quan, dũng cảm của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm. Hãy làm sáng tỏ nội dung trên bằng một đoạn văn theo phép lập luận diễn dịch khoảng 12 câu, trong đó có sử dụng khởi ngữ và câu phủ định (gạch chân, ghi chú thích).  e. Những câu văn “Đất dưới chân chúng tôi rung. Mấy cái khăn mặt mắc ở đây cũng rung.” Khiến em nhớ tới câu thơ nào trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật cũng nói về sự rung chuyển dữ dội do bom đạn của quân thù gây nên?  Gợi ý:  a.- Tác giả: Lê Minh Khuê  - Hoàn cảnh sáng tác: Truyện "Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra các liệt. Văn bản đưa vào sách giáo khoa có lược bớt một số đoạn.  b. Ngôi kể: ngôi thứ nhất. - Người kể chuyện: Phương Định.  - Tác dụng:  + Làm cho câu chuyện trở nên chân thực.  + Tạo một điểm nhìn phù hợp dễ dàng tái hiện hiện thực khốc liệt của chiến tranh.  + Khắc họa thế giới tâm hồn, cảm xúc và suy nghĩ của nhânvật một cách chân thực giàu sức thuyết phục, đặc biệt là nhận vật tôi.  **c.**  Phép liên kết: lặp từ- Từ ngữ được lặp: “nổ”.  d. Yêu cầu hình thức:  + Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập đoạn văn.  + Đoạn văn dài khoảng 12 câu, viết theo lối diễn dịch, gạch chân chú thích đúng khởi ngữ và câu phủ định; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  - Yêu cầu nội dung:  Cần làm nổi bật được các ý: tinh thần lạc quan, dũng cảm của các nhân vật nữ thanh niên xung phong.  Nội dung:  + Hoàn cảnh sống và chiến đấu: Sống ở cao điểm nguy hiểm luôn cận kề. Làm nhiệm vụ phá bom, đối mặt với tử thần hàng ngày.  => Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt.  + Phẩm chất anh hùng của các nhân vật:  - Tinh thần lạc quan: có những lúc nghĩ đến cái chết nhưng điều đó thoáng qua rất mờ nhạt nhường chỗ cho ý nghĩ làm nhiệm vụ. Sau mỗi trận bom họ lại hát say sưa những bài hát vui tươi và lại yêu đời như trẻ thơ.  .- Dũng cảm, gan dạ: Sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám đối mặt với cái chết mà không nao núng dù nhiều lần họ bị bom vùi và làm bị thương.  => Sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện những tâm hồn vốn nhạy cảm, yếu đuối thành bản lĩnh kiên cường.  Nghệ thuật**:**  + Ngôi kể thứ nhất: dễ dàng bộc lộ tâm lí nhân vật.  + Khắc họa diễn biến tâm lí nhân vật một cách tinh tế.  + Giọng điệu trữ tình, sử dụng thành công các kiểu câu.  **e.** Tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.  - Câu thơ:  *“Không có kính không phải vì xe không có kính*  *Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi.”*  14. Sau đây là một đoạn văn trích từ truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của lên Minh Khuê:  *“Tôi thích nhiều. Những bài hành khúc bộ đội hay trên những ngả đường mặt trận. Tôi thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng. Thích Ka- chiu-sa của Hồng quân Liên Xô. Thích ngồi bỏ gối mơ màng. “ Về đây khi mái tóc còn xanh xanh…..”. Đó là dân ca Ý trữ tình giàu có, phải lấy giọng thật trầm. Thích nhiều. Nhưng tôi không muốn hát lúc này . Tôi đâm cáu với chị Thao, mặc dù, tôi hiểu những tình cảm gì đang quay cuồng trong chị. Chị cứ đưa mắt nhìn Nho, lấy tay sửa cái cổ áo, cái ve áo và tóc nó…* ”  (Trích Ngữ văn 9 – tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)    a. Xác định một câu rút gọn và nêu tác dụng của câu rút gọn đó.  b. Qua văn bản trên, em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp- phân tích- tổng hợp nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn và tình đồng đội của những cô gái thanh niên xung phong trong tổ trinh sát mặt đường trên tuyến lửa Trường Sơn. Trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán và một phép lặp (gạch chân, xác định rõ).  c. Em hãy kể tên một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn THCS có cùng đề tài và hoàn cảnh sáng tác với truyện ngắn nêu trên. Cho biết tên tác giả.  Gợi ý:  *a. Câu rút gọn:* “Thích Ka- chiu-sa của Hồng quân Liên Xô. Thích ngồi bỏ gối mơ màng.”. “Thích nhiều”*.*  - Tác dụng:  + Giúp cho câu gọn hơn, thông tin nhanh hơn.  + Làm nổi bật sở thích của Phương Định đồng thời toát lên vẻ hồn nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lạc quan yêu đời của cô gái trẻ  *b - Hình thức*:  + Đoạn văn TPH,  + Đảm bảo dung lượng, trình tự mạch lạc, diễn đạt rõ ý; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.  + Sử dụng đúng và gạch dưới câu cảm thán, phép lặp.  *- Nội dung*:  HS khai thác nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, câu đặc biệt, câu rút gọn…để làm rõ:  + Vẻ đẹp tâm hồn trong sáng: nữ tính, lạc quan, mơ mộng, hồn nhiên yêu đời.  + Vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó.  c.Tác phẩm cùng đề tài và hoàn cảnh sáng tác: “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”- Phạm Tiến Duật.  15. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  *“Người xưa đã dạy: “Y phục xứng kì đức”.* ***Ăn mặc ra sao cũng phải phù hợp với hoàn cảnh riêng của mình và hoàn cảnh chung nơi công cộng hay toàn xã hội.*** *Dù mặc đẹp đến đâu, sang đến đâu mà không phù hợp thì cũng chỉ làm trò cười cho thiên hạ, làm mình tự xấu đi mà thôi. Xưa nay, cái đẹp bao giờ cũng đi với cái giản dị, nhất là phù hợp với môi trường. Người có văn hóa, biết ứng xử chính là người biết tự mình hòa vào cộng đồng như thế, không kể hình thức còn phải đi với nội dung, tức là con người phải có trình độ, có hiểu biết. Một nhà văn đã nói: “Nếu có cô gái khen tôi chỉ vì bộ quần áo đẹp mà không khen tôi có bộ óc thông minh thì tôi chẳng có gì đáng hãnh diện”. Chí lí thay!”*  (Theo Băng Sơn, “*Giao tiếp đời thường*”, SGK Ngữ văn 9, tập II, tr. 9)  **a.** Ghi lại câu chủ đề của đoạn văn trên?  **b.** Xét theo cấu tạo, câu văn in đậm thuộc kiểu câu nào? Nêu tác dụng của kiểu câu đó trong việc diễn đạt nội dung đoạn văn?  **c.**Từ nội dung đoạn trích cùng với những hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về nhận định: “*Ăn mặc ra sao cũng phải phù hợp với hoàn cảnh riêng của bản thân và hoàn cảnh chung nơi công cộng hay toàn xã hội”.*  **d.** Tìm một câu thành ngữ, tục ngữ nói lên lời khuyên về trang phục của ông cha ta.  Gợi ý**:**  a. Câu chủ đề: Người xưa đã dạy: “Y phục xứng kì đức”  b. - Kiểu câu: Rút gọn.  - Tác dụng:  + Làm cho câu ngắn gọn, thông tin nhanh, tránh lặp từ.  + Khẳng định đây là yêu cầu chung của việc ăn mặc với tất cả mọi người, không ngoại trừ ai.  c. Đoạn văn đảm bảo các luận điểm  + Trang phục là gì?  + Tại sao trang phục phải phù hợp với hoàn cảnh riêng của mình và hoàn cảnh chung nơi công cộng hay toàn xã hội? (lí lẽ, dẫn chứng)  + Hậu quả của việc ăn mặc đua đòi, không phù hợp với hoàn cảnh gia đình, lối sống văn hóa và truyền thống dân tộc?  + Liên hệ bản thân: cần làm gì để trang phục phù hợp với hoàn cảnh riêng và hoàn cảnh chung?  d. “Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân”.  **16**. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :    “ ... *Tri thức đúng là sức mạnh. Người ta kể rằng, có một máy phát điện cỡ lớn của công ti Pho bị hỏng. Một hội đồng gồm nhiều kĩ sư họp 3 tháng liền tìm không ra nguyên nhân. Người ta phải mời đến chuyên gia Xten - mét - xơ. Ông xem xét và làm cho máy hoạt động trở lại. Công ti phải trả cho ông 10 000 đô la. Nhiều người cho Xten - mét - xơ là tham, bắt bí để lấy tiền. Nhưng trong giấy biên nhận, Xten - mét - xơ ghi : " Tiền vạch một đường thẳng là một đô la. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá : 9 999 đô la ". Rõ ràng người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà người khác không làm nổi. Thử hỏi, nếu không biết cách chữa thì cỗ máy kia có thể thoát khỏi số phận trở thành đống phế liệu được không !” ?*  *(Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)*  a. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì ? Khái quát nội dung của đoạn trích bằng một câu văn.  b. Ghi lại lời dẫn trực tiếp được tác giả sử dụng trong đoạn trích ? Theo em có nên chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp không ? Vì sao ?  c. Từ ý nghĩa của câu chuyện trên và những hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi với chủ đề " vai trò của tri thức trong cuộc sống hiện nay.    Gợi ý:  a. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là nghị luận  Khái quát nội dung của đoạn trích bằng một câu văn: Tri thức là sức mạnh  b. Lời dẫn trực tiếp được tác giả sử dụng trong đoạn trích: "Tiền vạch một đường thẳng là một đô la. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá : 9 999 đô la."  Không nên chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp bởi đây là dẫn chứng xác thực, ghi lời dẫn trực tiếp làm nội dung của nó được nhấn mạnh hơn về độ chính xác và cũng thể hiện sự tôn trọng với tác giả viết ra câu nói đó.  d. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:  - Giải thích tri thức là gì? Là người có kiến thức, làm việc bằng trí óc…  - Đưa ra nhận định tri thức có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống…( lý lẽ, dẫn chứng)  + Vai trò của tri thức trong chính trị, trong phát triển kinh tế, trong giáo dục.  + Vai trò của tri thức trong đời sống của mỗi con người.  ….  - Bàn luận , thuyết phục về ý kiến.  - Liên hệ ( nhận thức, thái độ, hành động)  **17**. Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *“…Ngạn ngữ có câu “ Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá trị mà thời gian là vô giá.*  *Thật vậy thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, bệnh nhân nặng nếu kịp thời chạy chữa thì sống, chậm là chết.*  *Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm bắt thời cơ , đánh địch đúng lúc là thắng lợi, mất thời cơ là thất bại.*  *Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ…”*  ( Phương Liên, Thời gian là vàng, Ngữ văn 9, tập 2)  a. Chỉ ra phép liên kết trong văn bản trên?  b. Từ “ thời gian” được lặp lại có tác dụng gì?  c. Theo em thời gian có vai trò như thế nào với học sinh?  d. Hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng có độ dài khoảng 2/3 trang giấy thi để nêu suy nghĩ của em *về ý kiến:**“ Bỏ phí thời gian thì có hại về sau có hối tiếc cũng không kịp”.*  Gợi ý:  Câu d: Suy nghĩ về ý kiến: Bỏ phí thời gian thì có hại về sau hối tiếc cũng không kịp.  - Giải thích thời gian là gì? là một thứ trừu tượng, trôi qua từng ngày, ta có thể cảm nhận được thời gian qua sự thay đổi của sự vật tồn tại xung quanh mình. Khẳng định ý kiến: “Bỏ phí thời gian thì có hại về sau hối tiếc cũng không kịp” là hoàn toàn đúng đắn.  - Nêu được vai trò của thời gian và tác hại của việc bỏ phí thời gian ( lí lẽ- dẫn chứng)  - Khi bỏ phí thời gian, con người có hối tiếc cũng không kịp bởi thời gian chỉ có một lần, không đảo ngược, không lấy lại được khoảng thời gian đã trôi đi, không mua được ( dẫn chứng)  - Mở rộng vấn đề: Phê phán những người không biết quý trọng thời gian.  - Liên hệ ( nhận thức, thái độ, hành động).  18. Trong văn bản “Giáo dục, chìa khóa của tương lai”, Phê- đê-ri-cô Mây ô đã viết:  *“ Giáo dục tức là giải phóng. Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hòa bình, công bằng và công lí. Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này- các thầy giáo, các cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ- gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy.”*  ( Trích Ngữ văn 9, tập 2, NXBGD Việt Nam, 2017)  a. Hãy chỉ rõ một thành phần biệt lập có trong đoạn trích trên.  b.Trong đoạn trích trên, tại sao tác giả lại cho rằng : “Giáo dục tức là giải phóng.”?  c. Dựa vào nội dung đoạn trích trên kết hợp với những hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của giáo dục đối với bản thân mình.  Gợi ý:  **a.** TP biệt lập phụ chú:  “*các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ đặc biệt là những người mẹ*”  b. “ Giáo dục tức là giải phóng vì”: Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hòa bình, công bằng và công lí. Nó mang đến tri thức, tình cảm, thẩm mĩ…bồi đắp, khơi gợi khát khao hòa bình từ đó tạo cho mỗi người động lực đấu tranh giải phóng cho chính mình, cho dân tôc, cho nhân loại  c. Đoạn văn cần đảm bảo ý cơ bản sau:  - Hiểu được khái niệm giáo dục: là một quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho họ tham gia vào đời sống xã hội, lao động, sản xuất, bằng cách tổ chức việc truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội của loài người…  - Bàn luận xác đáng các ý nghĩa của giáo dục đối với bản thân:  + Giúp bản thân có tri thức để sống, hiểu biết thể giới và cả chính mình.( Dẫn chứng)  + Giúp bản thân có kĩ năng sống, đạo đức cần thiết để tồn tại, hòa nhập với cộng đồng, đóng góp cho cộng đồng phát triển…( dẫn chứng)  + Giúp định hướng hành động…( Dẫn chứng)  - Bài học nhận thức- Liên hệ:  + Nhận thức: giáo dục có vai trò quan trọng đối với mỗi người. làm nên sự tiến bộ, tiến hóa của loài người so với các loài động vật khác.  + Hành động: quan tâm tới giáo dục, coi trọng giáo dục, hoàn thành tốt hoạt động giáo dục bản thân đang tiếp cận và trải nghiệm…  19. Đọc câu chuyện sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:  “ NGƯỜI ĂN XIN”  *“Một người ăn xin đã già. Đôi mắt đỏ hoe, nước mắt giàn giụa, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.*  *Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:*   * *Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*   *Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:*   * *Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*   *Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.”*  ( Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD Việt Nam, 2018)  a. Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên?  b. Ông lão và cậu bé đã tuân thủ phương châm hội thoại nào?  c.Cậu bé không có gì cho ông lão ăn xin nhưng vì sao ông lão vẫn khẳng định: “ Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”?  d. Câu chuyện này đã giúp em rút ra bài học gì trong giao tiếp hàng ngày.  e. Từ câu chuyện trên, và hiểu biết xã hội của bản thân, hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ về mối quan hệ giữa “cho” và “ nhận”  Gợi ý:  a. Phương thức biểu đạt: tự sự  b. Ông lão và cậu bé đã tuân thủ phương châm lịch sự.  c. Cậu bé đã cho ông lão tình yêu thương, lòng đồng cảm…  d. Bài học rút ra trong giao tiếp: lịch sự, tế nhị…  e. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:  \*Giải thích cho và nhận:  - Cho: Ban tặng, sẻ chia, chuyển những thứ thuộc quyền sở hữu của mình sang cho người khác mà không đổi lấy thứ gì. - Nhận: Lấy về cái được cho, được ban tặng. -> Cho và nhận có mối quan hệ mật thiết với nhau.  **\* Biểu hiện**  - Chúng ta có thể cho đi những thứ vật chất, tiền bạc thông qua các hành động từ thiện, quyên góp ủng hộ những người gặp hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn. Đó cũng có thể là những hành động giúp đỡ, chia sẻ nỗi buồn, nỗi mất mát với những người xung quanh mình. Cho là hành động hoàn toàn tự nguyện, không vụ lợi cá nhân. - Khi chúng ta cho đi cũng là lúc chúng ta được nhận lại. Điều chúng ta nhận lại có thể là một lời cảm ơn chân thành, một nụ cười, một cử chỉ ấm áp khiến chúng ta vui lòng.  **\* Ý nghĩa của cho và nhận** - Cho và nhận gắn kết con người lại với nhau nhiều hơn. - Giúp chúng ta biết yêu thương đồng loại, sống nhân ái, vị tha hơn. - Những người biết cho đi sẽ được mọi người quý mến.  **\* Bài học- liên hệ bản thân.** - Không sống ích kỉ mà phải biết chia sẻ với người khác, biết cho đi. - Phê phán lối sống vị kỉ, chỉ biết nhận mà không biết cho đi.  - Khẳng định vai trò, tầm quan trọng của cho và nhận trong cuộc sống/ | | | **MÔN: GDCD**  **I. NỘI DUNG ÔN TÂP:**  **Các bài từ tuần 19 đến tuần 28 trong đó trọng tâm kiến thức:**  *- Bài 14: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân*  *- Bài 15: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý của công dân*  *- Bài 16:Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân*  *\*Lưu ý: Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tế.*  **II. CÂU HỎI ÔN TẬP.**  **Câu 1.** Vì sao công dân phải có trách nhiệm và nghĩa vụ lao động?  **Câu 2.** Để trở thành người lao động giỏi, theo em học sinh phải làm gì khi còn ngồi trên ghế nhà trường ?  **Câu 3.** Quyền tự do kinh doanh là gì? Cho một ví dụ về quyền tự do kinh doanh?  **Câu 4.** Thế nào là vi phạm pháp luật? Có mấy loại vi phạm pháp luật? Mỗi loại vi phạm pháp luật cho một ví dụ?  **Câu 5**. Thế nào là tham gia quản lý Nhà Nước, quản lý xã hội? Cho ví dụ?  **III. BÀI TẬP:**  *Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.*  - Bài 14: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân Bài tập 3 trang 47  - Bài 15: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý của công dân Bài 1 trang 50  - Bài 16:Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân, Bài 2 trang 50 | | | **MÔN: CÔNG NGHỆ**   1. **Nội dung ôn tập:** Từ bài 8 đến bài 12. 2. **Câu hỏi ôn tập:**   ***Câu 1*:** Thế nào là mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi? Hãy kể tên các vật cách điện trong lắp đặt dây dẫn kiểu nổi? Một số yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?  ***Câu 2*:** Thế nào là mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu ngầm? Lắp đặt dây dẫn kiểu ngầm phải đảm bảo yêu cầu nào? So sánh ưu và nhược điểm của dây dẫn lắp đặt kiểu nổi và dây dẫn lắp đặt kiểu ngầm?  ***Câu 3*:**Để mạng điện trong nhà sử dụng được an toàn và hiệu quả, cần phải kiểm tra mang điện như thế nào? Trước khi kiểm tra an toàn của mạng điện trong nhà cần chú ý điều gì?  ***Câu 4***: Khi kiểm tra, bảo dưỡng mạng điện, cần phải kiểm tra những phần tử nào của mạng điện?  ***Câu 5*:** Khi kiểm tra dây dẫn điện cần chú ý điều gì? Dây dẫn điện trong nhà có nên dùng dây dẫn trần không? Tại sao?  ***Câu 6*:** Khi kiểm tra cách điện của mạng điện trong nhà cần chú ý điều gì?  ***Câu 7*:** Cần chú ý điều gì khi kiểm tra các thiết bị điện?  ***Câu 8***: Kiểm tra các đồ dùng điện cần chú ý điều gì?  ***Câu 9***: Nêu quy trình thực hành lắp đặt mạch điện ? Khi lắp đặt mạch điện xong lúc vận hành mạch không hoạt động được em phải làm gì ?   1. **Bài tập:** Hãy vẽ sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt của các mạch điện bài 8, bài 9 | | | **MÔN: LỊCH SỬ**  **I. Nội dung ôn tập.**  Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử chương I->VI (Tuần 19 đến tuần 30)  ***\* Lưu ý:*** hình thức kiểm tra hoàn toàn trắc nghiệm khách quan.  **II. Kiến thức trọng tâm.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bài học** | **Nội dung trọng tâm** | | | ***1. Chương 1: Việt Nam trong những năm 1919-1930*** | | | | Bài 14: Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất. | Chương trình khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam | Nông nghiệp | | Công nghiệp | | Thương nghiệp | | Giao thông vận tải | | Tài chính | | Chính sách văn hóa, giáo dục | Văn hóa: Nô dịch | | Giáo dục: mở trường đào tạo tay sai | | Xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc | Nông dân | | Địa chủ phong kiến | | Công nhân | | Tư sản | | Tiểu tư sản | | Bài 15: Phong trào cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1919-1925) | Điều kiện khách quan ảnh hưởng đến CMVN | Cách mạng tháng Mười Nga 1917 | | Quốc tế cộng sản thành lập 1919 | | Đảng CS ở các nước thành lập: Pháp, Trung Quốc | | Phong trào dân tộc, dân chủ công khai | Tư sản dân tộc | | Tiểu tư sản trí thức | | Phong trào công nhân | Ba Son (8/1925) | | Bài 16: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài 1919-1925 | ở Pháp 1917-1923 | Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho việc thành lập Đảng | | ở Liên Xô 1923-1924 | | ở Trung Quốc 1924-1925 | Chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng | | Bài 17: Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng ra đời | Bước phát triển của phong trào cách mạng 1926-1927 | PT mang tính thống nhất toàn quốc, mang tính chính trị, vượt qua phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương, trình độ giác ngộ của công nhân nâng lên rõ rệt, trở thành lực lượng chính trị độc lập | | Tân Việt cách mạng Đảng ra đời 7/1928 | - Hoàn cảnh ra đời  - thành phần: trí thức trẻ, thanh niên yêu nước  - Chủ trương, hoạt động. | | Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929 | - Hoàn cảnh: PT dân tộc dân chủ, đặc biệt là PT công-nông theo con đường vô sản phát triển.  - Tên 3 tổ chức.  - Ảnh hưởng đến CMVN: tích cực và tiêu cực. | | ***2. chương II: Việt Nam trong những năm 1930-1939*** | | | | Bài 18: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời | Hội nghị thành lập ĐCS VN 2/1930 | - Thời gian  - Người chủ trì  - Địa điểm  - Nội dung chính: Cương lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc  - Ý nghĩa: như đại hội thành lập Đảng | | Hội nghị lần thứ nhất BCH TW lâm thời của ĐCS VN 10/1930 | - Thời gian  - Người chủ trì  - Địa điểm  - Nội dung chính: luận cưng chính trị của Trần Phú  - Điêm hạn chế của luận cương. | | Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng | Trong nước  Quốc tế. | | Bài 19: Phong trào Cm 1930-1935 | Tác động của khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đến Việt Nam | - Kinh tế  - Xã hội | | Phong trào cách mạng 1930-1931 | - Địa bàn: cả nước, đặc biệt là Trung Kì  - Hình thức: đấu tranh chính trị  - Khẩu hiệu: đò quyền lợi về kinh tế và chính trị  - Đỉnh cao: Xô Viết nghệ Tĩnh (9/1930): nhà nước kiểu mới tồn tại trong 4-5 tháng  - Kết quả lớn nhất: hình thành liên minh công-nông. | | Bài 20: cuộc vận động dân tộc dân chủ 1936-1939 | Tình hình thế giới và trong nước | - Tác động của khủng hoảng kinh tế 1929-1933  - Chủ nghĩa phát xít hình thành  - Đại hội VII của quốc tế cộng sản xác định kẻ thù chung của cách mạng thế gới và chủ trương thành lập mặt trận nhân dân ở mỗi nước  - 1936: mặt trận nhân dân Pháp thành lập. | | Chủ trương của ĐCS Đông Dương | - Xác định kẻ thù trước mắt, nhiệm vụ trước mắt. khẩu hiêu đấu tranh  - Xác định hình thức, phương pháp đáu tranh, thành lập mặt trận.  - Phong trào tiêu biểu | | Ý nghĩa của phong trào | Tập dượt lần 2 tiến tới tổng K/n tháng 8/1945. | | ***Chương 3: Cuộc vận động tiến tới cách mạng tháng 8/1945*** | | | | Bài 21: Việt Nam trong nững năm 1939-1945 | Tình hình thế giới và trong nước | CTTGII bùng nổ, Pháp-Nhật câu kết cùng thống trị Đông Dương… | | Những cuộc nổi dậy đầu tiên: Bắc Sơn (27/9/1940), Nam Kì (23/11/1940) | - Nguyên nhân  - Diễn biến chính  - Kết quả lớn nhất  - ý nghĩa và bài học kinh nghiệm. | | Bài 22: Cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 | Hội nghị BCH TƯ 8 của ĐCS Đông Dương (10-19/5/1941) | - Chủ trì, địa điểm  - Hoàn cảnh hội nghị  - Nội dung chính: xác định kẻ thù của CM, khẩu hiệu đấu tranh, lực lượng, nhiệm vụ cách mạng.  - Sự thành lập mặt trận Việt Minh (19/5/1941) | |  | Cao trào kháng Nhật cứu nước | - Hoàn cảnh: Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)  - Chủ trương và khẩu hiệu đáu tranh của Đảng cộng sản Đông Dương. | | Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 | Hoàn cảnh phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền | * Quốc tế * Trong nước | | Diễn biến chính, hình thức đấu tranh. | - Tại Hà Nội  - Tại các tỉnh thành khác | | Ý nghĩa lịch sử | - Trong nước  - Quốc tế | | Nguyên nhân thắng lợi | - Khách quan  - chủ quan | | ***4. Chương 4: Việt Nam từ sau cách mạng tháng tám đến toàn quốc kháng chiến*** | | | | Bài 24: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân | Tình hình nước ta sau cách mạng tháng tám | “Ngàn cân treo sợi tóc”: khó khan về kinh tế, văn hóa, tài chính, thù trong giặc ngoài. | | Biện pháp khắc phục | - Chính trị: + Tổng tuyển cử bầu quốc hội đầu tiên 6/1/1946.  + các biện pháp đối phó với Tưởng và Pháp  - Kinh tế  - Văn hóa  - Tài chính  (Chú ý biện pháp cấp thời và lâu dài) | | ***5. Chương 5: Việt Nam cuối 1946-1954(Kháng Pháp quay trở lại xâm lược)*** | | | | Bài 25: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950) | Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ (19/12/1946) | - Hoàn cảnh  - Nội dung lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.  - Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng | | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 | - Mục đích của Pháp  - Diễn biến  - Kết quả, ý nghĩa | | Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 | - Âm mưu và hành động của Pháp  - Chủ trương, đối phó của ta  - Kết quả, ý nghĩa | | Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện được đẩy mạnh | Thành tựu trên các mặt trận kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao. | | Bài 26: Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp (1950-1953) | Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 | - Hoàn cảnh lich sử mới có lợi cho cách mạng  - Âm mưu của Pháp-Mĩ và chủ trương của ta  - Diễn biến chính, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch. | | Kế hoạch Đờ-lat-đờ-tát-xi-nhi 12/1950 | Âm mưu của Pháp-Mĩ | | Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2/1950) | Nội dung cơ bản của đại hội | | Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt | Chú ý các thành tựu nổi bật | | Bài 27: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953-1954) | Kế hoạch Na-va | - Âm mưu của Pháp-MĨ  - Nội dung kế hoạch | | Chiến cuộc đông xuân 1953-1954 | - Chủ trương của ta  - Diễn biến, kết quả, ý nghĩa | | Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 | - Chủ trương của ta  - Diễn biến, kết quả, ý nghĩa | | Hiệp định Giơ-ne-vơ | - Nội dung  - ý nghĩa hiệp định | | Ý nghĩa lich sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. |  | | ***6. Chương 6: Việt Nam từ 1954-1975 (chống Mĩ-Ngụy)*** | | | | Tình hình nước ta sau hiệp định Giơ-ne-vơ | - Thuận lợi  - Khó khăn |  | | Nhiệm vụ cách mạng hai miền | - MB: khôi phục kinh tế, xây dựng CNXH, hậu phương  - MN: tiếp tục CM dân tộc dân chủ nhân dân, tiền tuyến | - Chú ý thành tựu miền Bắc đạt được 1954-1960, 1961-1965  - MN: chống chế độ Mĩ-Diệm, Đồng khởi. (chiến tranh đơn phương) | | Các loại hình chiến tranh của Mĩ ở miền Nam | - Chiến lược “chiến tranh đặc biệt 1961-1965)  - Chiến lược chiến tranh cục bộ 1965-1968  - Việt Nam hóa và Đông Dương hóa chiến tranh 1969-1972 | Nêu được khái niệm, công thức các loại hình chiến tranh, âm mưu và thủ đoạn của Mĩ, thành tích chiến đấu của ta | | Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại | - Lần 1: 1965-1968  - lần 2:1972 (Điện Biên phủ trên không) | - Âm mưu, thủ đoạn của Mĩ  - Thắng lợi của ta  - Ý nghĩa lịch sử | | Hiệp định Pa-ri | Hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa của hội nghị |  | | | | **MÔN: ĐỊA LÝ**  **I. Kiến thức trọng tâm**  - Vùng đồng bằng sông Cửu Long: vị trí địa lý; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; sự phát triển của các ngành kinh tế.  - Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển – đảo: thực trạng tài nguyên môi trường biển - đảo, hoạt động của các ngành kinh tế biển, ý nghĩa kinh tế của biển đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.  **II. Bài tập vận dụng**  Câu 1: Chứng minh rằng vùng biển nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.  Câu 2: Tại sao tài nguyên vùng biển và hải đảo của nước ta ngày càng giảm sút nghiêm trọng? Trình bày các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo?  Câu 3:  a, Giải thích tại sao phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?  b, Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta ở ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa có ý nghĩa như thế nào về an ninh, quốc phòng?  Câu 4: “Hiện Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới về ô nhiễm rác thải biển, đặc biệt là rác thải nhựa. Một số khu biển ven bờ và cửa sông bị ô nhiễm dầu, chất hữu cơ liên quan tới chất thải sinh hoạt. Ngoài ra, hiện lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của 28 tỉnh ven biển nước Việt Nam vào khoảng 14,03 triệu tấn/năm (khoảng 38.500 tấn/ngày).  Không chỉ riêng Việt Nam, vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển ở nhiều khu vực, quốc gia đang đứng trước những thách thức. Nguồn tài nguyên bị khai thác cạn kiệt, môi trường biển nhiều nơi bị ô nhiễm đến mức báo động. Gây ra thiệt hại nghiêm trọng, cản trở sự phát triển kinh tế – xã hội của nhiều quốc gia.”  *(Nguồn báo môi trường và xã hội)*  Từ những thực trạng trên, em hãy đề xuất các giải pháp để phòng chống ô nhiễm môi trường biển – đảo? | | | **MÔN: TIẾNG ANH**   |  |  | | --- | --- | | **Grammar & Vocabulary**  - Quantifiers  - Modal verbs in conditional sentences type 1  - Articles  - Conditional sentences type 2  - Relative clauses | - Past simple and past perfect  - Defining and non-defining relative clause  - Future passive  - Despite/ In spite of/ Although  - Verbs + to-infinitive/ Verbs + V-ing |  1. **PHONETICS**   **Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.**  1. A. adventure B. future C. mature D. figure  2. A. increase                   B. widespread        C. death                        D. residential  3. A. coughed                   B. weighed            C. laughed                     D. photographed  4. A. realize B. teacher C. reason D. feature  5. A. treated B. asked C. sacred D. suggested  6. A. classical B. composer C. answer D. serious  7. A. humans B. dreams C. concerts D. songs  8. A. depend B. temperate C. dental D. telephone  9. A. spoon B. wool C. noon D. bamboo  10. A. excursion B. further C. burial D. turtle  **II. Identify the word whose stressed pattern is different from that of the others.**  1. A. impossibly B. especially C. naturally D. importantly  2. A. damage B. pollute C. defense D. erode  3. A. recognize B. enemy C. yesterday D. responding  4. A. electrician               B. comfortable       C. manufacture    D. accidental  5. A. comedy B. collection C. comical D. calculate  6. A. musician B. museum C. competent D. computer  7. A. conversation B. isolation C. traditional D. situation  8. A. capital B. activity C. different D. opera  9. A. demonstration B. atmosphere C. documentary D. engineer  10. A. beautiful B. miraculous C. endangered D. extraordinary  **B. LANGUAGE FOCUS**  **I. Choose the best option A, B, C or D to complete the following sentences.**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. Turn the heat down and let it……………. for thirty minutes. | | | | | | A. stir - fry | B. simmer | C. cube | D. steam | | | 2. If you want to lose weight, you………….. cut down on your sugar intake. | | | | | | A. should | B. have | C. shouldn’t | D. mustn’t | | | 3. Hard work is a vital………….. for success. | | | | | | A. habit | B. presentation | C. ingredient | D. tradition | | | 4. Add a pinch of ………….to the mixture and stir well. | | | | | | A. eggs | B. sauce | C. salt | D. salads | | | 5. The children are very excited. They………..wait for Christmas to come. | | | | | | A. shouldn’t | B. can’t | C. mustn’t | D. won’t | | | 6. Eggs are easy to cook and are an extremely ………food. You can make many dishes from them. | | | | | | A. salty | B. main | C. starter | D. versatile | | | 7. You should…………up smoking……….you will get ill. | | | | | | A. have given/and | B. giving/ if | C. to give/unless | D. give/ or | | | 8. She is so sweet. She picked me a …………..of flowers. | | | | | | A. loaf | B. pinch | C. bunch | D. handful | | | 9. If you …………fewer calories than you burn, you…………lose weight. | | | | | | A. should eat/ might | B. must eat/ do | C. eat/ will | D. will eat/ should | | | 10. If you are too busy, you can………….some takeaway food. | | | | | | A. buy | B. cook | C. prepare | D. make | | | 11. You can learn a lot about the local………….. by talking to local people.  A. territory B. area C. land D. nation  12. It’s good to have someone to ……………… you when you are visiting a new place.  A. lead B. take C. guide D. bring  13. When you ………………… your destination, your tour guide will meet you at the airport.  A. arrive B. reach C. get D. achieve  14. It can be quite busy here during the tourist……………..  A. season B. phase C. period D. stage  15. Make sure you ………….a hotel before you come to our island, especially in the summer.  A. book B. keep C. put D. buy  18. The language that you learn to speak from birth is ………… language.  A. official B. first C. second D. foreign  19.Experiencing microgravity on a ……………. flight is a part of astronaut training programmes.  A. orbit B. ship C. mission D. parabolic  20. As soon as the spacecraft …………… into space, the crew started to observe the sun.  A. has travelled B. had travelled C. travelled D. was travelling  21. The …………. of technology to teaching and learning has been strongly encouraged in recent years.  A. applicant B. application C. applicable D. appliance  22. Many youngers get addicted to the ………… on the Internet.  A. virtual life B. real-life C. virtual earth D. real world  23. Mr. Minh, ………… is a director in a big company, has never cooked in his life.  A. who B. which C. whom D. whose  24. She wishes that her husband could share with her some ……………..  A. house chores B. household chores C. housework chores D. family chores  25. As a father, he is supposed to take responsibilities in ………….. care of the children.  A. taking B. getting C. making D. doing  26. It is highly recommended that all women should be …………… independent.  A. financially B. economical C. money D. pocket  27. Applicants ………… by a benchmark, not by gender.  A. are evaluated B. evaluated C. evaluating D. is evaluated  28. There will be virtual classroom ………… students can interact with each other.  A. where B. which C. when D. when  29. The plan …………… among the Heads of Department.  A. discussed B. to be discussed C. will be discussed D. discussing  30. Families ………………… up by both husbands and wives.  A. had better be built B. had better built C. had better to build D. had better build | | | | | |  | | | | |   **II. Put the verbs in brackets into the correct verb tenses (past simple or past perfect).**  1. Galileo **(use)** the telescope to view the stars and planets before Isaac Newton **(invent)** the first reflecting telescope.  2. After Robert Goddard **(work)** on the rocket technology, he **(invent)** and **(launch)** the first liquid-fueled rocket in 1926.  3. In 1983, Sally Ride **(become)** the first American woman in space after Russian cosmonaut Valentina Tereshkova **(be sent)** in space twenty years earlier.  4. France **(launch)** its first satellite before Japan **(put)** its test satellite into orbit.  5. In 1971, the United Kingdom successfully **(launch)** its satellite into orbit after China **(do)** that one year earlier.  **IV. Put the verbs in brackets in the correct tense to form either a first or a second conditional clause.**  1. If it (rain) this weekend, we (not be able) to play tennis.  2. Give me Peter’s letter. If I (see) him, I (give) it to him.  3. I have to work very hard for the coming exam, so I’m very busy. But if I (have) any spare time, I (take up) a sport like football.  4. If I (be) taller, I (be) a basketball player, but I’m too short.  5. Please start your meal. If you (not have) your soup now, it (go) cold.  **V. Complete the sentences using the correct form (ing-form or to-infinitive of the verb in brackets)**  1. Reliable friends are always there for you. They never fail **(help)** you.  2. Why don’t you stop **(work)** and take a rest?  3. I was a bit lazy this time, but I promise **(study)** harder next time.  4. If you want a quiet holiday, you should avoid **(go)** to the coast in summer.  5. When we told him a plan, he agreed **(join)** our team.  6. John missed **(have)** dinner with his old school mates.  7. This is a very badly organized project. I will never consider **(take)** part in it.  8. I can’t stand my boss. I have decided **(look)** for another job.  9. He only wants privacy. He can’t understand people **(ask)** him personal questions.  10. Do you ever regret **(not study)** at university, Peter?  **VI. Find the mistake in each of the sentences below:**  1. Ms Baker, she spent her life working with the health and welfare of the families of worker, is a successful woman in the world.  2. I remember to be given a toy drum on my fifth birthday.  3. She can sing the song by both Vietnamese and English.  4. You can lead a horse to water but you can't make him drinking.  5. The breaking glass was still on the floor.  6. How did you manage getting here so quickly?  7. Because of the Lewis and Clark Expedition in 1972, the United States begin to realize the true value of the Luisiana territory.  8. I am very please that we should meet again soon.  9. Peter introduced Mai with some of his friends in London.  10. The police stopped everybody enter the house.  11. Standing among so many strangers, the child began to sob uncontrollable.  12. Tom keeps to study hard because he intends to go to dental school.  13. When the bell rang, the students have left the class.  14. The government has decided voting on the resolution now rather than next month.  15. One of the primary cause of road accidents is driving after drinking.  **VII. Give the correct from of the words in brackets:**  1. He is engrossed in doing …………….. research. SCIENCE  2. They entered the areas without …………….. PERMIT  3. He wants to ……………… his knowledge of the subject. WIDTH  4. The giant panda is a(n) ……………..species. DANGER  5. What makes the computer a …………device? MIRACLE  6. You may be surprised at the large ……………..of animals in national parks. VARIED  7. The architecture in the downtown area is a successful ………….of old and new. COMBINE  8. He came first in the poetry …………….. COMPETE  9. You should always pay………… to what the teacher says. ATTEND  10. Tony is…………..to win the designing contest this time. DETERMINATION  11. Some students find it hard to learn English……………. . PRONOUNCE  12. The government is trying hard to deal with the problem of…………. EMPLOY  13. Television is one of the cheapest forms of…………….. . ENTERTAIN  14. Our company has just undergone some major……. changes. TECHNOLOGY  15. The game has been cancelled because the number of….…………. is too small. PARTICIPATE  **C. READING**  **I. Read the following passage carefully, then choose the correct answer among A, B, C or D.**  Ninety percent of earthquakes occur around the Pacific Rim, which is known as the “Ring of Fire”. In 1995, a huge earthquake struck the city of Kobe in Japan. A large number of people were killed when homes, office blocks and highways collapsed. Tidal waves are the results of an abrupt shift in the underwater movement of the Earth. In the 1960s, a huge tidal wave hit Anchorage, Alaska. The tidal wave traveled from Alaska to California!  When a tropical storm reaches 120 kilometers per hour, it is called a hurricane in North and South America, a cyclone in Australia, and a typhoon in Asia. The word “typhoon” comes from Chinese: tai means “big” and feng means “wind”, so the word “typhoon” means “big wind”. We can usually predict when a volcano will erupt. Mount Pinatubo, which is a volcano in the Philippines, erupted in 1991. It was the world’s largest volcanic eruption in more than 50 years. Hundreds of people died, but thousands were saved because scientists had warned them about the eruption. Tornadoes are funnel-shaped storms which pass overland below a thunderstorm. They can suck up anything that is on their path. In Italy in 1981, a tornado lifted a baby, who was asleep in its baby carriage, into the air and put it down safely 100 meters away!  *1. Which natural disaster is not mentioned?*  A. a snowstorm B. an earthquake C. a volcano D. a tidal wave  *2. Which place was struck by an earthquake?*  A. Anchorage B. Kobe C. North America D. South America  *3. Which disaster struck Anchorage, Alaska in 1960s?*  A. a tornado B. an earthquake C. a cyclone D. a tidal wave  *4. How many people were saved during a volcanic eruption?*  A. tens of people B. hundreds of people  C. thousands of people D. millions of people  *5. Which disaster can only occur when there is an abrupt shift in the underwater movement?*  A. an earthquake B. a volcano C. a tornado D. a tidal wave  *6. What do people call a tropical storm, which reaches 120 km per hour, in Australia?*  A. a typhoon B. a hurricane C. a cyclone D. a big wind  *7. Which sentence is not true?*  A. A tornado has the shape of a funnel.  B. We can never predict when a volcano will erupt  C. The earthquake in Kobe in 1995 caused severe damage.  D. Typhoon, hurricane and cyclone are different words for the same disaster.  *8. Which sentence is true?*  A. The eruption of Mount Pinatubo is the world’s largest ever volcanic eruption.  B. Most of the earthquakes in the world occur in the “Ring of Fire”.  C. A hurricane can’t reach the speed of 120 km per hour.  D. Thousands of people died when Mount Pinatubo erupted.  **II. Read the text then choose the best answer for each blank.**  Air pollution (1)……… of ill-health in human beings. In a lot of countries there are laws limiting the amount of smoke (2)………. factories can produce. Although there isn't enough information on the effects of smoke in the atmosphere, doctors have proved that air pollution causes lung diseases.  The gases (3)……....the exhausts of cars have also increased air pollution in most cities. The lead in petrol produces a poisonous gas which often collects in busy streets (4)…….... by high buildings. Children who live in areas where there is a lot of lead in the atmosphere cannot think as (5)………. as other children and are clumsy when they use their hands..  There are (6)………. long-term effects of pollution. If the gases in the atmosphere continue to increase, the earth's climate may become warmer. A lot of the air near the Poles may (7)…….…. and may cause serious floods.   1. A. cause B. causes C. caused D. have caused 2. A. which B. in which C. what D. where 3. A. of B. in C. with D. from 4. A. surrounding B. surrounded C. surrounds D. surroundings 5. A. quick B. quicker C. quickly D. more quickly 6. A. others B. another C. each other D. other 7. A. melting B. to melt C. melts D. melt   **D.WRITING**  **I. Complete the second sentence so that the meaning is similar to the first one**  1. I have no right qualification and I can’t apply for the job.  *→* If…………………………………………………..………  2. The prime minister was going to open the new school.  *→*The new school…………………………………………………..………  3. Silent films didn’t become available until the late 1920s.  *→* It was not until…………………………………………………..………  4. Although he has a very important job, he isn’t particularly well-paid.  *→* In spite of…………………………………………………..……………  5. When did you last ride a bike?  *→* How long…………………………………………………..…………….  6. The trip was so interesting that we couldn’t forget it.  *→* It…………………………………………………..…………………….  7. “Don’t forget to go to the supermarket after work.  *→* He reminded…………………………………………………..………..  8. How many books did they buy yesterday?  *→* How many books…………………………………………………..……  9. I'm sorry I didn’t go to University.  *→* I regret…………………………………………………..………………  10. He prefers plain water to coffee.  *→* He’d rather…………………………..….……………………................  11. Although he wasn’t experienced, he got the job.  *→* Despite…………………………………………………..………………  12. They are going to repair my car tomorrow.  *→* I am going to have…………………………………………………..……  13. You can’t travel on this train if you don’t have a reservation.  *→* Unless…………………………………………………..………………..  14. “I will go to my village next week” Mr. Nam said.  *→* Mr. Nam said …………………………………………………..………..  15. We spent five hours learning English.  *→* It took …………………………………………………..……………….  **II. Join each pair of sentences into one, beginning with the words provided.**  1. Do you understand the word? The teacher wrote it on the board. **(which)**    2. Despite a good salary, he was unhappy in his job. **(Though)**    3. The planet is Venus. It is closest to the Earth. **(that)**    4. Ba lives on Trang Tien Street. He likes playing the guitar. **(who)**    5. Ha isn’t careful. He often loses his belongings. **(If)**    6. The earthquake was so servere that many buildings collapsed. **(such)**    7. Ms Lan needs to work hard to support her children. **(in order that)**    8. It is a pity that I don’t have the opportunity to apply for the job. **(wish)** | | |  | | |  | | |  | | |